

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẬN TẢI KIÊN CƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẬN TẢI KIÊN CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIEN CUONG TRANSPORT  
CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KIEN CUONG TCI CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109052687

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đặng Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                     | 4610        |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                            | 4933        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                              | 4663(Chính) |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 6.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                | 2392        |
| 7.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                             | 2410        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                | 4322        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                       | 6619        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                           | 4299        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                  | 7110        |
| 17. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                       | 7120        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                    | 4229        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                             | 1629        |
| 21. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                     | 3830        |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                    | 4669        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN TOÀN \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *20/09/1954* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *001054001065*  
Ngày cấp: *22/09/2014* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đặng Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đặng Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội